



SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

Địa chỉ: Số 08, Đường ĐX 061 - KP 8 - P. Định Hòa - TP. Thủ Dầu Một - Bình Dương

ĐT: 02743 511 447; 02743 512 386

Fax: 02743 512 385; Email: tc-nonglam@sddbinhduong.edu.vn



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH CHĂN NUÔI – THÚ Y

Mã ngành: 5620120

Bình Dương, tháng 10 năm 2022

Số 710/QĐ-TCNLN

Bình Dương, ngày 14 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo khóa học 2022-2024
ngành Chăn nuôi – Thú y; Mã ngành 5620120**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT – BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ Trường trung cấp;

Căn cứ thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH, ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 09/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH ngày 22 tháng 05 năm 2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 02/GCNĐKHĐBS-SLĐTBXH ngày 11 tháng 03 năm 2019 của Sở Lao động – Thương Binh và Xã hội tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Tổ chức hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành chương trình đào tạo khóa học 2022-2024 ngành Chăn nuôi – Thú y; mã ngành 5620120 (có bảng chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Nông Lâm có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng các nội dung chương trình đã ban hành.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành, kể từ ngày ký. *TR*

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH (Phòng DN);
- Phòng Đào tạo;
- Khoa Nông nghiệp;
- Scan toàn thể CB-VC-NLĐ;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP
NGÀNH CHĂN NUÔI - THÚ Y KHÓA 39; MÃ NGÀNH: 5620120

Ban hành kèm theo Quyết định số 7.10.../QĐ-TCNL, ngày 24... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông Lâm Nghiệp Bình Dương

Mã MH/MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				PHÂN BỐ THEO HỌC KỲ			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra	HK I	HK II	HK III	HK IV
I	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	13	255	94	148	13				
MH - 01	Chính trị	2	30	15	13	2	X			
MH - 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	X			
MH - 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	X			
MH - 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3		X		
MH - 05	Tin học	2	45	15	29	1	X			
MH - 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4	X			
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	49	1,320	310	974	36				
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	14	270	120	136	14				
MH - 07	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	3	60	30	27	3	X			
MH - 08	Vì sinh vật thú y	2	30	15	13	2	X			
MH - 09	Giống vật nuôi - Kỹ thuật TG	2	45	15	28	2	X			
MH - 10	Dược lý thú y	3	60	30	27	3		X		
MH - 11	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	15	28	2	X			
MH - 12	Quản lý trang trại	2	30	15	13	2			X	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	33	1005	175	810	20				
MĐ - 13	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	3	60	30	27	3		X		
MĐ - 14	Chăn nuôi gia cầm	2	45	15	28	2		X		
MĐ - 15	Chăn nuôi heo	2	45	15	28	2		X		
MĐ - 16	Chăn nuôi thú nhai lại	2	45	15	28	2			X	
MĐ - 17	Bệnh Ngoại - Sản khoa	2	45	15	28	2			X	
MĐ - 18	Môi trường và ATSH trong CNTY	2	30	15	13	2			X	
MĐ - 19	Bệnh truyền nhiễm	3	60	30	27	3			X	
MĐ - 20	Bệnh Ký sinh trùng	2	45	15	28	2			X	
MĐ - 21	Luật thú y & Kiểm nghiệm thú sản	2	45	15	28	2				X
MĐ - 22	RN chăn nuôi	3	135	0	135	0		X		
MĐ - 23	RN thú y	3	135	0	135	0			X	
MĐ - 24	Thực tập tốt nghiệp	7	315	10	305	0				X
	TỔNG SỐ	60	1,530	389	1,094	47				
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn dưới đây)	2	45	15	28	2				
MĐ - 25	Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng	2	45	15	28	2				X
MĐ - 26	Thiết kế chuồng trại	2	45	15	28	2				
MĐ - 27	Trồng trọt đại cương	2	45	15	28	2				
MĐ - 28	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	45	15	28	2				
TỔNG CỘNG		62	1,575	404	1,122	49	0	0	0	0



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG CẤP
NÔNG LÂM NGHIỆP

Phan Thanh Hà

P. ĐÀO TẠO

Trần Thị Kim Liên

Khoa Nông Lâm

Đinh Trung Dũng



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2022 - 2023
KHÓA 39 - NGÀNH CNTY

KHÓA 39 - Học kỳ I (Từ 03/9/2022 - 10/01/2023)

STT	Môn học	Lớp	Tổng số giờ			Giáo viên	Ghi chú
			Tổng số giờ	Lý thuyết	Thực hành		
1	Giáo dục chính trị	39A1 + 39A2	30	15	13	P. Đào tạo	P. Đào tạo phân công
2	Pháp luật đại cương	39A1 + 39A2	15	9	5	P. Đào tạo	P. Đào tạo phân công
3	Tin học	39A1 + 39A2	45	15	29	P. Đào tạo	P. Đào tạo phân công
4	Tiếng anh (Anh văn)	39A1 + 39A2	90	30	56	P. Đào tạo	P. Đào tạo phân công
5	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	39A1 + 39A2	60	30	27	T. Huỳnh	
6	Vì sinh vật thú y	39A1 + 39A2	30	15	13	T. Dũng	
7	Giống vật nuôi - Kỹ thuật TG	39A1 + 39A2	45	15	28	T. Dũng	
8	Giáo dục thể chất	39A1 + 39A2	30	4	24	T. Vinh	Khoa VHCB
9	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	39A1 + 39A2	45	15	28	T. Huỳnh	
TỔNG			390	148	223	19	

KHÓA 39 - Học kỳ II (Từ 10/01/2023 - 30/6/2023)

STT	Môn học	Lớp	Tổng số thực dạy			Giáo viên	Ghi chú
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	Dược lý thú y	39A1 + 39A2	60	30	27	T. Huỳnh	
2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	39A1 + 39A2	45	21	21	P. Đào tạo	P. Đào tạo phân công
3	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	39A1 + 39A2	60	30	27	T. Huỳnh	
4	Chăn nuôi gia cầm	39A1 + 39A2	45	15	28	T. Dũng	
5	Chăn nuôi heo	39A1 + 39A2	45	15	28	T. Dũng	
6	RN Chăn nuôi	39A1 + 39A2	135	0	135	T. Dũng	Rèn nghề tại trại
TỔNG			390	81	104	10	

Ngày 02 tháng 08 năm 2022
KHOA NÔNG LÂM

HIỆU TRƯỞNG
P. ĐÀO TẠO



Đinh Trung Dũng
Trần Thị Kim Liên
Phan Thanh Hà



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2022 - 2023
KHÓA 38 - NGÀNH CNTY

KHÓA 38 - Học kỳ III (Từ 03/09/2022 - 8/01/2023)

STT	Môn học	Tổng số thực dạy			Giáo viên	Ghi chú
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	Giáo dục thể chất	30	4	24	T. Vinh	
2	Quản trị sản xuất - Kinh doanh	30	15	13	T. Linh	
3	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	60	30	27	T. Huỳnh	44/70
4	Chăn nuôi thú nhai lại	45	15	28	T. Dũng	
5	Môi trường và ATSH trong CNTY	30	15	13	T. Dũng	
6	Bệnh Ký sinh trùng	45	15	28	T. Dũng	
7	Bệnh truyền nhiễm	60	30	27	T. Huỳnh	
TỔNG		300	94	133		

KHÓA 38 - Học kỳ IV (Từ 10/01/2023 - 30/08/2023)

STT	Môn học	Tổng số thực dạy			Giáo viên	Ghi chú
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	Luật thú y & Kiểm nghiệm thú sản	45	15	28	T. Huỳnh	
2	Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng	45	15	28	T. Huỳnh	
3	Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp (TTTN)	10	10	0	T. Dũng	
4	RN thú y	135	0	135	T. Huỳnh	
5	Thực tập TN	315	0	315	Khoa NN	
TỔNG		550	40	56		

Ngày 02 tháng 08 năm 2022

KHOA NÔNG NGHIỆP

P. ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kim Liên

Phạm Thanh Hà

Dinh Trung Dũng



KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2022 - 2023

NGÀNH CHĂN NUÔI - THÚ Y

Sтт	Họ tên GV	SM	Môn dạy	Lớp	Tổng Số giờ	LT	TH	KT	Tổng số tiết quy chuẩn	Tiết CN	T.P. khoa	Kiểm nhiệm	Tổng số	Định mức	Thiếu/ Đư	Ghi chú	
1	Phạm Văn Huỳnh	1	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	38A1 + 38A2	26	4	20	2	26								
		2	Bệnh truyền nhiễm	38A1 + 38A2	60	30	27	3	60								
		3	Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng	38A1 + 38A2	45	15	28	2	45								
		4	RN thú y	38A1 + 38A2	135	0	135	0	42.1875								
		5	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	39A1 + 39A2	60	30	27	3	60								
		6	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	39A1 + 39A2	45	15	28	2	45								
		7	Dược lý thú y	39A1 + 39A2	60	30	27	3	60								
		8	Luật thú y và Kiểm nghiệm thú sản	38A1 + 38A2	45	15	28	2	45								
		9	Phụ trách phòng thực hành thú y		75				75								
			Tổng cộng		551								458	500	-42		
2	Đinh Trung Dũng	1	Chăn nuôi thú nhai lại	38A1 + 38A2	45	15	28	2	45								
		2	Môi trường và ATSH trong CNTY	38A1 + 38A2	30	15	13	2	30								
		3	Bệnh Ký sinh trùng	38A1 + 38A2	45	15	28	2	45								
		4	Hướng dẫn thực tập tốt nghiệp (TTTN)	38A1 + 38A2	10	10	0	0	10								
		5	Vì sinh vật thú y	39A1 + 39A2	30	15	13	2	30								
		6	Giống vật nuôi - Kỹ thuật TG	39A1 + 39A2	45	15	28	2	45								
		7	Chăn nuôi gia cầm	39A1 + 39A2	45	15	28	2	45								
		8	Chăn nuôi heo	39A1 + 39A2	45	15	28	2	45								
		9	RN Chăn nuôi	39A1 + 39A2	135	0	135	0	42.2								
		10	Chủ nhiệm lớp	38 A	75				75								
		11	Kỹ năng giao tiếp	39M	30				30								
			Tổng cộng		490								442.19	350	92.19		

Ngày 02 tháng 08 năm 2022

KHOA NÔNG LÂM

P. ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



(Signature)

Đinh Trung Dũng

Trần Thị Kim Liên

Phạm Thanh Hà

SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 710/QĐ – TCNLN ngày 24 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông Lâm nghiệp)

Tên nghề đào tạo: Chăn nuôi - thú y

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: (Chính quy/vừa làm vừa học): Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên

Thời gian đào tạo: (năm học): 1 – 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình trung cấp ngành Chăn nuôi thú y đào tạo kỹ thuật viên trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi thú y có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến Chăn nuôi - thú y;
- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

+ Kỹ năng:

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;
- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;
- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Phòng, chống dịch bệnh;
- Chẩn đoán bệnh;
- Điều trị bệnh;
- Khai thác và pha chế tinh dịch;
- Sản xuất thuốc thú y;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, dụng cụ trang thiết bị chăn nuôi, thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1320 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 404 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1122 giờ

3 BINA
TR
TRU
ÔNG
ps

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	13	255	94	148	13
MH - 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH - 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH - 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH - 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3
MH - 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH - 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	49	1,320	310	974	36
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	14	270	120	136	14
MH - 07	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	3	60	30	27	3
MH - 08	Vi sinh vật thú y	2	30	15	13	2
MH - 09	Giống vật nuôi - Kỹ thuật truyền giống	2	45	15	28	2
MH - 10	Dược lý thú y	3	60	30	27	3
MH - 11	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	15	28	2
MH - 12	Quản lý trang trại	2	30	15	13	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	33	1005	175	810	20
MĐ - 13	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	3	60	30	27	3
MĐ - 14	Chăn nuôi gia cầm	2	45	15	28	2
MĐ - 15	Chăn nuôi heo	2	45	15	28	2
MĐ - 16	Chăn nuôi thú nhai lại	2	45	15	28	2
MĐ - 17	Bệnh Ngoại - Sản khoa	2	45	15	28	2
MĐ - 18	Môi trường và ATSH trong CNTY	2	30	15	13	2
MĐ - 19	Bệnh truyền nhiễm	3	60	30	27	3

MĐ - 20	Bệnh Ký sinh trùng	2	45	15	28	2
MĐ - 21	Luật thú y & Kiểm nghiệm thú sản	2	45	15	28	2
MĐ - 22	Rèn nghề chăn nuôi	3	135	0	135	0
MĐ - 23	Rèn nghề thú y	3	135	0	135	0
MĐ - 24	Thực tập tốt nghiệp	7	315	10	305	0
	TỔNG SỐ	60	1,530	389	1,094	47
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 3 môn dưới đây)	2	45	15	28	2
MĐ - 25	Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng	2	45	15	28	2
MĐ - 26	Thiết kế chuồng trại	2	45	15	28	2
MĐ - 27	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	45	15	28	2
	TỔNG CỘNG	62	1,575	404	1,122	49

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Rèn nghề chăn nuôi người học sẽ đến Trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi để học hỏi và làm việc trực tiếp dưới sự quản lý của giáo viên phụ trách, trang trại hoặc doanh nghiệp về lĩnh vực thú y.

- Rèn nghề thú người học đến Trang trại, doanh nghiệp trong ngành để học hỏi và làm việc trực tiếp dưới sự quản lý của giáo viên phụ trách, trang trại hoặc doanh nghiệp về lĩnh vực thú y.

- Thực tập tốt nghiệp người học sẽ tự chọn lĩnh vực chuyên sâu và đến Trang trại, doanh nghiệp trong ngành để học và làm việc trực tiếp dưới sự quản lý của giáo viên phụ trách, trang trại hoặc doanh nghiệp về lĩnh vực thú y.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- + Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- + Nội dung thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

XÃ HỘI
G
ẤP
NHẬP
ĐƠN

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Tùy vào điều kiện cụ thể việc thực hành thực tập, rèn nghề có thể được thực hiện tại trường hoặc doanh nghiệp.

Bình Dương, ngày ..24.... tháng8..... năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

**PHÒNG ĐÀO TẠO-KHAO THÍ
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

KHOA NÔNG LÂM



Phan Thanh Hà

Trần Thị Kim Liên

Đinh Trung Dũng



SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 710/QĐ – TCNLN ngày 24 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông Lâm nghiệp)

Tên nghề đào tạo: Chăn nuôi - thú y

Mã ngành, nghề: 5620120

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: (Chính quy/vừa làm vừa học): Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên

Thời gian đào tạo: (năm học): 1 – 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình trung cấp ngành Chăn nuôi thú y đào tạo kỹ thuật viên trình độ trung cấp ngành Chăn nuôi thú y có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, có sức khỏe nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, đồng thời có khả năng học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến Chăn nuôi - thú y;
- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

+ Kỹ năng:

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;
- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;

- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;
- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;
- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

+ Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;
- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm
- Phòng, chống dịch bệnh;
- Chẩn đoán bệnh;
- Điều trị bệnh;
- Khai thác và pha chế tinh dịch;
- Sản xuất thuốc thú y;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, dụng cụ trang thiết bị chăn nuôi, thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 62 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1320 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 404 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1122 giờ

3. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè và dự phòng: 12 tuần/1 năm học

4. Quyết định phê duyệt chương trình:

I. PHÂN BỐ THỜI GIAN HỌC TẬP:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/ mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Năm học		PHÂN BỐ THEO HỌC KỲ			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ Thí nghiệm/ Bài tập/ Thảo luận	Thi/ Kiểm tra	1	2	HK I	HK II	HK III	HK IV
I	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	13	255	94	148	13						
MH - 01	Chính trị	2	30	15	13	2	x		X			
MH - 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	x		X			
MH - 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	x		X			
MH - 04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	45	21	21	3	x			X		
MH - 05	Tin học	2	45	15	29	1	x		X			
MH - 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4	x		X			
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN	49	1,320	310	974	36						
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	14	270	120	136	14						
MH - 07	Giải phẫu - Sinh lý vật nuôi	3	60	30	27	3	x		X			
MH - 08	Vì sinh vật thú y	2	30	15	13	2	x		X			
MH - 09	Giống vật nuôi - Kỹ thuật TG	2	45	15	28	2	x		X			
MH - 10	Dược lý thú y	3	60	30	27	3	x			X		
MH - 11	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	2	45	15	28	2	x		X			
MH - 12	Quản lý trang trại	2	30	15	13	2		x			X	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	33	1005	175	810	20						
MĐ - 13	Nội chẩn (chẩn đoán & bệnh nội khoa)	3	60	30	27	3	x			X		
MĐ - 14	Chăn nuôi gia cầm	2	45	15	28	2	x			X		
MĐ - 15	Chăn nuôi heo	2	45	15	28	2	x			X		
MĐ - 16	Chăn nuôi thú nhai lại	2	45	15	28	2		x			X	
MĐ - 17	Bệnh Ngoại - Sản khoa	2	45	15	28	2		x			X	
MĐ - 18	Môi trường và ATSH trong CNTY	2	30	15	13	2		x			X	
MĐ - 19	Bệnh truyền nhiễm	3	60	30	27	3		x			X	
MĐ - 20	Bệnh Ký sinh trùng	2	45	15	28	2		x			X	
MĐ - 21	Luật thú y & Kiểm nghiệm thú sản	2	45	15	28	2		x				X
MĐ - 22	RN chăn nuôi	3	135	0	135	0	x			X		
MĐ - 23	RN thú y	3	135	0	135	0		x			X	
MĐ - 24	Thực tập tốt nghiệp	7	315	10	305	0		x				X
	TỔNG SỐ	60	1,530	389	1,094	47						
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 4 môn dưới đây)	2	45	15	28	2						
MĐ - 25	Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng	2	45	15	28	2		x				X
MĐ - 26	Thiết kế chuồng trại	2	45	15	28	2						
MĐ - 27	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	45	15	28	2						
	TỔNG CỘNG	62	1,575	404	1,122	49						

III. THI TỐT NGHIỆP:

Số TT	NỘI DUNG THI TỐT NGHIỆP	Dự kiến thời gian thi tốt nghiệp			Hình thức	Ghi chú
		Thời gian ôn – thi (ngày)	Thời gian thi (phút)	Kế hoạch thi		
1	Lý thuyết tổng hợp	0.5	90		Trắc nghiệm	
2	Thực hành nghề nghiệp	0.5	30		Tích hợp	

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Phan Thanh Hà

Bình Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**PHÒNG ĐÀO TẠO-KHẢO THÍ
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

KHOA NÔNG LÂM

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Trung Dũng

Đinh Trung Dũng

Trần Thị Kim Liên

